

Tiết 131. BẢNG ĐƠN VỊ ĐO THỜI GIAN

Đổi các đơn vị đo thời gian

Bài 1.

6 năm =tháng 108 tháng = năm 1,5 ngày =giờ
7 ngày =giờ 120 giờ =ngày 84 tháng =năm
2,5 giờ =phút 222 phút =giờ 10 năm =tháng

Bài 2.

3 giờ =phút 6 phút =giây 2 giờ =giây
0,5 giờ =phút 7,5 phút =giây 1,5 giờ =giây
120 phút =giờ 360 phút =giờ 150 giây =phút

Bài 3.

4,5 giờ =giờphút 30 tháng =nămtháng
76 phút =giờ ...phút 137 phút = ...giờphút
69 phút =giờ ...phút 192 giây =phút ...giây

Bài 4.

7 năm 3 tháng =tháng 10 năm 6 tháng =tháng
3 giờ 47 phút =phút 8 giờ 5 phút =phút

Bài 5.

3,4 giờ =giờphút 2,3 giờ =giờphút
1,6 giờ =giờphút 2,8 giờ =giờphút
2,9 giờ =giờ ...phút 6,2 giờ =giờphút

Bài 6.

3 giờ 15 phút =giờ 4 giờ 45 phút =giờ
2 giờ 30 phút =giờ 7 giờ 15 phút =giờ
 $\frac{9}{2}$ giờ =giờphút $\frac{8}{5}$ giờ =giờphút
 $\frac{2}{3}$ giờ =giờphút $\frac{16}{5}$ giờ =giờphút